

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HC-ST**

Ngày: 23/3/2021

Về việc khiếu kiện quyết định
giải quyết khiếu nại trong lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Việt Minh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Trinh
Bà Phan Thị Vi Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 71/2020/TLST-HC ngày 02 tháng 7 năm 2020, về việc: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2021; Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 13/2021/TB-TA ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HC ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Đào Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A thôn B, xã P, huyện B1, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị L: Ông Phạm Kim L1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Tầm Hưng, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Đắc Đ, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1, chức vụ: Phó Chủ tịch. Có mặt.

3.2. Ông Lê M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A thôn B, xã P, huyện B1, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Năm 1983, bà Đào Thị L có khai phá và nhận chuyển nhượng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 12.690,6m² ở xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tháng 4 năm 2017, bà Đào Thị L nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 142/UBND, trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đào Thị L đối với thửa đất nói trên. Không đồng ý với việc trả lại đơn, bà Đào Thị L làm đơn khiếu nại.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND, không chấp thuận nội dung đơn khiếu nại của bà Đào Thị L đối với Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, bà Đào Thị L khiếu nại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2603/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại lần hai của bà Đào Thị L về khiếu nại Quyết định số 103/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Nay Đào Thị L yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 142/UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 103/QĐ-UBND, ngày

31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2603/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận trình bày:

Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 12.690,6m² ở xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận mà bà Đào Thị L khiếu nại theo bản đồ đo đạc năm 1999, thì không quy chủ cho ai. Đến năm 2009 thì được đo đạc và quy chủ cho UBND xã H quản lý theo dự án 920.

Qua quá trình làm việc, đối thoại bà Đào Thị L không cung cấp được tài liệu gì chứng minh nguồn gốc đất và quá trình lý, sử dụng ổn định thửa đất này nên việc Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 142/UBND, trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên của bà Đào Thị L là phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 73/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc “Ban hành quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; cơ chế phối hợp và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo cơ chế một cửa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”.

Nay bà Đào Thị L yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2603/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 6 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận trình bày:

Xã H đã được sáp nhập vào thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Nghị quyết số 820/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Việc Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 142/UBND, trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 12.690,6m² ở xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận của bà Đào Thị L là phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 73/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc “Ban hành quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; cơ chế phối hợp và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo cơ chế một cửa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”.

Nay bà Đào Thị L yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 142/UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 103/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê M trình bày:

Ông Lê M thống nhất với ý kiến của bà Đào Thị L, yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 142/UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018, của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Việc thụ lý, giải quyết và đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy bỏ Công văn số 142/UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự:* Trong vụ án này, bà Đào Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, xã H đã được sáp nhập vào thị trấn P, nên Ủy ban nhân dân thị trấn P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. Do vậy việc xác định Ủy ban nhân dân thị trấn P và Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thị trấn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là phù hợp.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người khởi kiện chấp nhận về sự vắng mặt trên và yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Luật tổ tụng hành chính tiến hành xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

[3] *Về phạm vi khởi kiện, phạm vi yêu cầu:* Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận. Đây là những quyết định do cơ quan hành chính nhà nước được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước và do người có thẩm quyền trong cơ quan đó ban hành, quyết định vấn đề quản lý hành chính về đất đai. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện bà Đào Thị L còn yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 12.690,6m² ở xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Yêu cầu này của bà L không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tổ tụng hành chính nên Tòa án không thụ lý, giải quyết là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Tháng 4 năm 2017, bà Đào Thị L nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, diện tích 12.690,6m² ở xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[4.2] Ngày 09 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 142/UBND, trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đào Thị L với lý do “*hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 07 tờ bản đồ số 14 diện tích 12.690,6m² ở khu vực triển Tân Phú, xã H không đủ điều kiện pháp lý để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định*”.

[4.3] Sau khi bà Đào Thị L khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã H trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 31 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND và ngày 11

tháng 6 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2603/QĐ-UBND, không chấp nhận việc khiếu nại của bà Đào Thị L.

[4.4] Điều 70, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất:

“1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch...

...c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này...;

...d) Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký;

4. Cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...;

b) Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Văn phòng đăng ký đất đai.

[4.5] Khoản 2 Điều 11a, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc từ chối hồ

sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau:

“Trường hợp có căn cứ từ chối hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải có văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, gửi văn bản kèm theo hồ sơ cho người nộp hoặc chuyển văn bản và hồ sơ đến bộ phận một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã để trả lại cho người nộp.”

[4.6] Điểm c khoản 2 Điều 2, Quyết định số 73/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc *“Ban hành quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; cơ chế phối hợp và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo cơ chế một cửa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”*, quy định việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện như sau: *“Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do không đủ điều kiện giải quyết”*.

[5] Như vậy, việc hồ sơ của bà Đào Thị L đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T xác nhận. Trong trường hợp này, lẽ ra sau khi thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của mình, Ủy ban nhân dân xã H phải chuyển toàn bộ hồ sơ của hộ bà Đào Thị L lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T, để xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào đơn đăng ký của hộ bà Đào Thị L. Trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T; nếu không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chuyển hồ sơ để Ủy ban nhân dân xã H trả lại cho bà Đào Thị L.

[6] Việc Ủy ban nhân dân xã H không chuyển toàn bộ hồ sơ của hộ bà Đào Thị L lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T mà lại ban hành Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên của bà Đào Thị L là trái với các quy

định trên. Cho nên nay bà L yêu cầu hủy Công văn số 142/UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H, là có căn cứ.

[7] Do Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H về trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đào Thị L bị hủy nên Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H và Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không chấp nhận việc bà Đào Thị L khiếu nại việc trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đương nhiên cũng bị hủy.

[8] Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

1. *Áp dụng:* Điều 17, 18, 31, 40 và Điều 42 Luật khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L:

- Hủy Công văn số 142/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H về trả lại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đào Thị L;

- Hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đào Thị L;

- Hủy Quyết định số 2603/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đào Thị L.

3. *Về án phí:* Bà Đào Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007338 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn P phải nộp 300.000 đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P phải nộp 300.000 đồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/3/2021); các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Việt Minh